



shàn shì

善事

noun · good deed

Example Sentences

Tā jīng cháng zuò shàn shì bāng zhù bié rén

他经常做善事帮助别人。

He often does good deeds to help others.

Zuò yī jiàn shàn shì bìng bù xū yào huā hěn duō qián

做一件善事并不需要花很多钱。

Doing a good deed doesn't require spending a lot of money.

Trace each character, then write the word on your own.

善	善	善	善	善	善	善	善	善	善	善
善	善	善	善							

事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事
